

Bản án số: 534/2024/HC-PT

Ngày: 24/9/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 301/2024/TBTL-HC ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10696/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1957; có mặt

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện:

- Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội;

- Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn M, Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Đức T, Phó Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A Cầu Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Về quá trình công tác của ông Nguyễn Duy B bắt đầu trong quân đội từ tháng 6/1977 đến tháng 5/1985 thì chuyển ngành vào Xí nghiệp xây dựng nông nghiệp. Ông được điều động làm đá theo Quyết định số 290 ngày 29/6/1985 của Giám đốc Xí nghiệp X, nhưng không ghi mức lương cụ thể. Ông Nguyễn Duy B có hoàn lại số tiền 808 đồng cho Huyện đội C khi phục viên. Lý do ông Nguyễn Duy B nộp lại số tiền này cho Huyện đội C để được hưởng là bộ đội phục viên chuyển ngành. Theo đó Xí nghiệp X mới ghi ông Nguyễn Duy B là bộ đội chuyển ngành theo quyết định nêu trên. Thời gian từ tháng 5/1984 đến tháng 5/1985 là thời gian ông Nguyễn Duy B tìm việc và chờ việc. Ông Nguyễn Duy B trình bày căn cứ Nghị định 115/2015 ND-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXX ngày 18/9/2020 v/v hướng dẫn thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995 của Bộ L, thì cần tính các mốc thời gian để giải quyết chế độ cho ông, cụ thể: thời gian nghỉ việc chưa được giải quyết chế độ đến năm 1995 thì thời gian này là thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông; thời gian quân đội trong chiến trường phải được nhân hệ số 1,5 theo Nghị định 236 ngày 18/9/1985 và Thông tư 41 hướng dẫn Nghị định 236. Thời gian tính bảo hiểm xã hội bắt buộc của ông Nguyễn Duy B từ tháng 6/1977 đến tháng 2/1987. Thời gian tính trợ cấp thất nghiệp cho ông Nguyễn Duy B từ tháng 02/1987 cho đến tháng 1/1995 căn cứ khoản 6 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Về căn cứ xác định tiền lương ông Nguyễn Duy B đề nghị cơ quan bảo hiểm tính từ quân hàm thiếu úy 65 đồng phiên sang công ty X với công việc là lao động nặng nhọc, để bảo đảm quyền lợi cho ông.

Ngày 06/7/2022, Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội có văn bản số 2783/BHXXH-TTKT trả lời ông Nguyễn Duy B trên cơ sở kết quả buổi làm việc ngày 15/6/2022, BHXXH thành phố Hà Nội đã có Công văn số 2526/BHXXH-TTKT ngày 21/6/2022 báo cáo B v/v giải quyết trường hợp ông Nguyễn Duy B.

Ông Nguyễn Duy B khiếu nại Công văn số 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022 của BHXXH thành phố Hà Nội, bởi trả lời không có cơ sở xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Duy B từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 do ông B đã được đơn vị đồng ý cho thôi việc từ ngày 0/02/1987 theo Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/02/1987 của Xí nghiệp X1 – Bộ N.

Tiếp theo, không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6655/QĐ-BHXXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà

Nội, ông Nguyễn Duy B khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, yêu cầu hủy Công văn số 2783/BHXX-TTKT ngày 06/7/2022 của BHXH thành phố Hà Nội và Quyết định 6655/QĐ-BHXX ngày 19/10/2022 giải quyết khiếu nại.

Ông Nguyễn Duy B cam đoan không đồng thời khiếu nại quyết định hành chính nêu trên đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội: đại diện là ông Vũ Đức T- Phó Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội là người được Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội ủy quyền tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Ông B yêu cầu tính thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng 2/1987 là thời gian công tác tính hưởng bảo hiểm xã hội trước năm 1995, Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội căn cứ pháp lý sau:

Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 23, Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH: *“Người lao động có thời gian công tác gián đoạn hoặc đã nghỉ việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì việc xác định thời gian công tác để tính hưởng bảo hiểm xã hội được thực hiện theo các văn bản quy định trước đây về tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội.”* (Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1).

Theo quy định tại điểm a, khoản 12, mục II Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1: *“Do đặc điểm tình hình của nước ta, có những trường hợp do yêu cầu tổ chức, công nhân, viên chức được cơ quan, xí nghiệp cho thôi việc vì gián chính, giảm nhẹ biên chế, kiện toàn tổ chức và quân nhân tình nguyện được phục viên hoặc giải ngũ, sau được tuyển dụng trở lại làm việc ở cơ quan, xí nghiệp, nếu trong thời gian nghỉ việc vẫn nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước thì được cộng thời gian đã công tác trước khi nghỉ việc với thời gian trở lại công tác sau này để tính là thời gian công tác liên tục (trừ thời gian nghỉ việc không tính)”*.

Theo quy định tại điểm c, khoản 12, mục II Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1: *“còn những trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân, viên chức tự ý xin thôi việc, quân nhân xin giải ngũ về hoàn cảnh riêng, sau được trở lại làm việc thời gian công tác trước khi nghỉ việc hoặc giải ngũ không được tính là thời gian công tác liên tục mà chỉ được tính là thời gian công tác nói chung (thời gian nghỉ việc không tính)”*.

- Trường hợp của ông Nguyễn Duy B không được tính thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 do tháng 02/1987 ông B đã nghỉ việc (theo Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/2/1987 của Xí nghiệp 4, Công ty CP X2, Bộ N) sau đó ông B cũng không trở lại làm việc. Theo nội dung đơn của ông Nguyễn Duy B,

chưa được thanh toán chế độ do cơ quan làm thất lạc hồ sơ. Tuy nhiên, việc ông B chưa được cơ quan thanh toán chế độ không thuộc thẩm quyền giải quyết của BHXH thành phố H. Hơn nữa, Tổng Công ty X3 – CTCP đã trả lời ông B tại Công văn số 86/TCTXD/TC-HC ngày 25/01/2022: *“Đơn vị giữ hồ sơ của Nguyễn Duy B là Xí nghiệp 4 – Công ty CP X4 và XD 8 đã làm thất lạc hồ sơ. Tổng Công ty X3 - CTCP không có cơ sở để giải quyết chế độ đối với ông Nguyễn Duy B”*.

Ngày 05/7/2022 B có Công văn số 1791/BHXXH-TST trả lời Công văn số 2526/BHXXH-TTKT ngày 21/6/2022 của BHXH thành phố Hà Nội về việc tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 của ông Nguyễn Duy B, B có ý kiến như sau:

Theo hồ sơ gửi kèm Công văn, ông Nguyễn Duy B sinh ngày 25/9/1957, có quá trình công tác như sau: từ tháng 6/1977 đến tháng 4/1984: công tác trong quân đội; từ tháng 7/1985 đến tháng 01/1987: chuyển ngành về Xí nghiệp 4, Công ty Cổ phần X2, Bộ N (theo Quyết định số 290/TC- QĐ ngày 29/6/1984); tháng 02/1987: nghỉ thôi việc vì hoàn cảnh riêng (Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/02/1987 của Xí nghiệp X1, Công ty Cổ phần X2, Bộ N và Đơn của ông B). Nay, ông B đề nghị được tính thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 để hưởng BHXH.

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc thì: *“Người lao động có thời gian công tác gián đoạn hoặc đã nghỉ việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì việc xác định thời gian công tác để tính hưởng bảo hiểm xã hội được thực hiện theo các văn bản quy định trước đây về tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội...”*; Điểm c, Khoản 12 Mục II Thông tư số 13/NV ngày 4/9/1972 của Bộ N1 hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức nhà nước thì: *“Còn những trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân, viên chức tự ý xin thôi việc, quân nhân xin giải ngũ vì hoàn cảnh riêng, sau được trở lại làm việc thì thời gian công tác trước khi nghỉ việc hoặc giải ngũ không được tính là thời gian công tác liên tục mà chỉ được tính là thời gian công tác nói chung (thời gian nghỉ việc không tính)...”* BHXH Việt Nam trả lời trường hợp ông B không thuộc đối tượng được tính thời gian công tác để hưởng BHXH. Việc xác định ông B có Quyết định nghỉ thôi việc nhưng chưa hưởng chế độ không thuộc thẩm quyền của Cơ quan BHXH.

Ngày 06/7/2022, Công văn 2783/BHXXH-TTKT của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội trả lời đơn của ông Nguyễn Duy B như sau:

Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội nhiều lần nhận được đơn của ông Nguyễn Duy B, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Nội dung đơn của ông B đề nghị được tính thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng

02/1987. BHXH thành phố Hà Nội đã nhiều lần trả lời ông B (tại Công văn số 5214/BFXH-CST ngày 29/12/2020, Công văn số 504/BHXH-CST ngày 28/01/2021, Biên bản làm việc ngày 02/3/2021, Công văn số 1191/BHXH-TTKT ngày 17/3/2021, Công văn số 2405/BHXH-TTKT ngày 27/5/2021, Thông báo số 1476/TB-BHXH ngày 21/4/2022). Tuy nhiên, ngày 02/6/2022, ông Nguyễn Duy B lại tiếp tục có đơn đề nghị được gặp Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội để trực tiếp đối thoại. Ngày 15/6/2022, ông Nguyễn Đức H - Giám đốc BHXH Thành phố đã tiếp và trả lời ông B. Theo đó, BHXH thành phố Hà Nội tiếp tục khẳng định: ông B không thuộc đối tượng được tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 để hưởng chế độ BHXH do ông B đã được đơn vị đồng ý cho thôi việc từ ngày 20/02/1987 theo Quyết định số 385/TC- QĐ ngày 20/02/1987 của Xí nghiệp X1 – Bộ N. Tuy nhiên, ông B không đồng ý với trả lời của B và tiếp tục đề nghị cơ quan BHXH tính thời gian công tác để hưởng chế độ BHXH. Kết quả buổi làm việc, BHXH thành phố Hà Nội tiếp thu ý kiến của ông Nguyễn Duy B và có văn bản báo cáo B xem xét. Trên cơ sở kết quả buổi làm việc ngày 15/6/2022, BHXH thành phố Hà Nội đã có Công văn số 2526/BHXH-TTKT ngày 21/6/2022 báo cáo B v/v giải quyết trường hợp ông Nguyễn Duy B. Căn cứ hồ sơ, tài liệu của ông Nguyễn Duy B cung cấp. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 3 Điều 23 nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật BHXH và điểm c khoản 12 mục II Thông tư 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1, BHXH thành phố Hà Nội không có cơ sở để xem xét giải quyết đề nghị được tính thời gian ông tác để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Duy B từ tháng 6/1977 đến tháng 2/1987 do ông B đã được đơn vị đồng ý cho thôi việc từ ngày 20/2/1987 theo Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/2/1987 của Xí nghiệp X1- Bộ N. Giám đốc BHXH thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 6655/QĐ-BHXH ngày 19/10/2022 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Duy B, quyết định giữ nguyên nội dung trả lời ông Nguyễn Duy B tại Công văn số 2783/BHXH-TTKT ngày 06/7/2022 của BHXH thành phố Hà Nội - **Tổng Công ty X3-CTCP** phúc đáp đơn của ông Nguyễn Duy B, tại Công văn số 86/TCTXD/TC-HC ngày 25/01/2022 trả lời như sau: “*Công ty cổ phần X2 thuộc Tổng Công ty X5- Bộ N, nhưng Tổng Công ty X5 đã cổ phần hóa ngày 15/7/2014 và đổi tên là Tổng Công ty X3-CTCP. Đơn vị giữ hồ sơ của ông Nguyễn Duy B là Xí nghiệp 4- Công ty cổ phần X2 và đã làm thất lạc hồ sơ. Tổng Công ty X3-CTCP không có cơ sở để giải quyết chế độ đối với ông Nguyễn Duy B*”.

Tại Bản án sơ hành chính sơ thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật Khiếu nại năm 2011, Luật

Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH; Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1; Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ L và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy B.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo đối với người tham gia tố tụng.

Ngày 09/5/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Duy B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Duy B trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Về hồ sơ, tôi đã thể hiện thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 nhưng chưa được nhận bảo hiểm, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP, khoản 1 mục 1, 2 Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 về việc hướng dẫn thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995 của Bộ L, hồ sơ tôi đã chứng minh thời gian công tác trong nhà nước, được xem xét và phù hợp với chế độ. Tôi đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của tôi; yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội chi trả bồi thường cho tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Duy B không cung cấp được chứng cứ tài liệu mới làm thay đổi nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015, bác kháng cáo của ông B; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Duy B nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội là Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội vắng mặt; Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội ủy quyền cho Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội có đơn xin xét xử vắng mặt phiên tòa. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Duy B, thấy:

[2.1] Xét Công văn 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội; Quyết định 6655/QĐ-BHXXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Duy B:

[2.1.1] Về căn cứ, thẩm quyền ban hành:

Căn cứ Luật Khiếu nại; Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH; Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1; Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ L và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Quyết định số 969/QĐ-BHXXH ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc B1 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương, thì Công văn 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, và Quyết định 6655/QĐ-BHXXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Duy B là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Duy B:

Ông Nguyễn Duy B nhiều lần gửi đơn đề nghị được tính thời gian công tác từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 với lý do ông chưa được thanh toán chế độ do cơ quan làm thất lạc hồ sơ. BHXH thành phố Hà Nội trả lời ông B nhiều lần tại các Công văn số 5214/BHXXH-CST ngày 29/12/2020, Công văn số 504/BHXXH-CST ngày 28/01/2021, Biên bản làm việc ngày 02/3/2021, Công văn 1191/BHXXH-

TTKT ngày 17/3/2021, Công văn số 2405/BHXXH-TTKT ngày 27/5/2021, Biên bản làm việc ngày 15/6/2022 và Công văn số 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022.

Ngày 22/9/2022, B1 có Công văn số 2677/BHXXH- TTKT v/v chuyển đơn khiếu nại của ông Nguyễn Duy B khiếu nại Công văn số 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022 của BHXXH thành phố Hà Nội.

Ngày 26/9/2022 Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Duy B.

Ngày 26/9/2022 Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội ban hành quyết định 5597/QĐ-BHXXH về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 03/10/2022 Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội có biên bản làm việc với ông Nguyễn Duy B.

Ngày 06/10/2022, Tổ xác minh báo cáo kết quả xác minh:

Theo đơn trình bày và hồ sơ gửi kèm theo, ông Nguyễn Duy B có thời gian công tác như sau:

Từ tháng 06/1977 đến tháng 4/1984: Công tác trong quân đội, Thiếu úy (cấp bậc trước khi chuyên ngành);

Từ tháng 6/1985: Chuyển ngành về Xí nghiệp 4, Công ty Cổ phần X2, Bộ N;

Tháng 2/1987: Nghỉ thôi việc theo Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/2/1987 của Xí nghiệp 4, Công ty CP X2, Bộ N.

Như vậy, ngày 19/10/2022, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội ban hành Quyết định 6655/QĐ-BHXXH ngày 19/10/2022 của giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Duy B là đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và Luật Khiếu nại năm 2011

[2.1.2] Xét tính hợp pháp của nội dung Công văn 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội; Quyết định 6655/QĐ-BHXXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, thấy:

Tháng 2/1987, ông B nghỉ thôi việc theo Quyết định số 385/TC-QĐ ngày 20/2/1987 của xí nghiệp X1, CTCP xây lắp và xây dựng X2, Bộ N. Tại Điều 1 có nội dung: *“Căn cứ đơn trình bày của anh Nguyễn Duy B, Xí nghiệp nhất trí giải quyết cho thôi việc...”*.

Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 quy định: *“....b) Người lao động có thời gian công tác gián đoạn hoặc đã nghỉ việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì việc xác định thời gian công tác để tính hưởng bảo hiểm xã hội được thực hiện theo các văn bản quy định trước đây về tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội...”*.

Theo điểm c khoản 12 mục II Thông tư 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ N1 quy định: “...c. *Còn những trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân viên chức tự ý xin thôi việc, quân nhân xin giải ngũ vì hoàn cảnh riêng, sau được trở lại làm việc thì thời gian công tác trước khi nghỉ việc hoặc giải ngũ không được tính là thời gian công tác liên tục mà chỉ được tính là thời gian công tác nói chung (thời gian nghỉ việc không tính)...*”.

Như vậy, với trường hợp của ông B, ngày 20/2/1987 ông B tự xin nghỉ việc về địa phương nên thời gian công tác trước khi nghỉ việc, giải ngũ của ông B không được tính thời gian công tác liên tục để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Việc ông B cho rằng: Ông chưa được thanh toán chế độ thôi việc do cơ quan làm thất lạc hồ sơ.

Theo Công văn số 86/TCTXD/TC-HC ngày 25/01/2022 của Tổng Công ty X3 - CTCP trả lời: “Đơn vị giữ hồ sơ của Nguyễn Duy B là Xí nghiệp 4 - Công ty CP X4 và XD 8 đã làm thất lạc hồ sơ. Tổng Công ty X3 - CTCP không có cơ sở để giải quyết chế độ đối với ông Nguyễn Duy B”.

Điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định 89/2020/ NĐ-CC ngày 04/8/2020 quy định: “3. *Về tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: ...b) Xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo hướng dẫn của Bộ L;..*”

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, Bộ L có Công văn số: 3595/LĐTBXH-BHXXH V/v hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995: “2. Trường hợp người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì việc xem xét, quyết định tính hoặc không tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định...”.

Ngày 05/7/2022, B1 có công văn số 1791/BHXXH- TST v/v tính thời gian công tác trước năm 1995 đối với ông Nguyễn Duy B có nội dung: “*Trường hợp ông B không thuộc đối tượng được tính thời gian công tác để hưởng BHXH. Việc xác định ông B có Quyết định nghỉ thôi việc nhưng chưa hưởng chế độ không thuộc thẩm quyền của cơ quan BHXH*”.

Do đó, BHXH thành phố Hà Nội có Công văn 2783/BHXXH-TTKT ngày 06/7/2022, trả lời không có cơ sở xem xét, giải quyết việc tính thời gian công tác để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ tháng 6/1977 đến tháng 02/1987 đối với ông Nguyễn Duy B là có cơ sở. Việc ông B đề nghị hủy Công văn số 2783 và buộc BHXH thành phố Hà Nội khôi phục lại quyền lợi BHXH là không có cơ sở để chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên thì trường hợp của ông Nguyễn Duy B tự xin nghỉ việc về địa phương nên thời gian công tác trước khi nghỉ việc, giải ngũ của ông B không được tính thời gian công tác liên tục để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Theo đó, Quyết định 6655/QĐ-BHXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Duy B với nội dung quyết định giữ nguyên trả lời tại Công văn 2783/BHXH-TTKT ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội là có căn cứ.

Từ nhận định trên thấy Công văn 2783/BHXH-TTKT ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội; Quyết định 6655/QĐ-BHXH ngày 19/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Duy B là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy B, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Duy B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi được quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Duy B.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Duy B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi được quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà